

Bản án số: 15/2020/DS-ST

Ngày: 15- 9 -2020

"Tranh chấp quyền sử dụng đất"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên toà:* Ông Trần Hữu Sỹ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Thạch và ông Trần Ngọc Tình

**- Thư ký phiên toà:** Bà Đỗ Thị Kiều Oanh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:** Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 1292/2020/QĐXXST-DS ngày 31/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đinh Văn T (Sinh năm 1958), bà Đinh Thị H (Sinh năm 1959); địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Đều có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Xuân C (Sinh năm 1968), bà Đinh Thị P (Sinh năm 1970); địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Đều có mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình - Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bắc V - Chủ tịch UBND huyện M; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đinh Minh H – Phó Chủ tịch UBND huyện M. Ông H có mặt tại phiên tòa.

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình - Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Xuân D - Chủ tịch UBND xã T; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Cao Xuân T, Công chức địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp và môi trường xã T. Ông T có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện, biên bản hoà giải và bản tự khai cũng như tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn ông Đinh Văn T, bà Đinh Thị H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất do ông T bà H khai hoang phục hoá từ năm 1991, đến năm 2000 thì được Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) huyện M cấp đất theo quyết định số: 467/2000 ngày 14/3/2000 với diện tích 2,46 ha. Ông, Bà sử dụng đất từ đó đến ngày 28/4/2009 thì được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) với tổng diện tích 13.666 m<sup>2</sup> bao gồm hai thửa (thửa 38 và thửa 93) trong đó tại thửa 38 tờ bản đồ 41 có diện tích 3.711 m<sup>2</sup> và thửa 93 tờ bản đồ 41 với diện tích 9.955 m<sup>2</sup>. Sau khi nhận được GCNQSDĐ thì ông T, bà H phát hiện đất trong GCNQSDĐ ít hơn đất trong quyết định cấp đất năm 2000, Ông, Bà có hỏi thì được Thôn trả lời là đất đã sử dụng thì cứ giữ mà làm, không ai lấy, sau đó không có ai tranh chấp nên Ông, Bà đã sử dụng cho đến nay. Đến năm 2018, do có tranh chấp đất đai nên UBND xã T đi cắm lại mốc giới cho các hộ gia đình, lúc này ông T, bà H mới biết UBND huyện M cấp đất cho ông C, bà P đã chồng lên đất của Ông, Bà bề ngang khoảng 25m và 1.000m chiều dài. Tại biên bản làm việc ngày 11/8/2020, ông T, bà H thống nhất lại là đất của ông C bà P đã lấn chiếm vào đất của ông tại vị trí phía Đông thửa đất số 38, tờ bản đồ số 41 diện tích khoảng 1.000 m<sup>2</sup> (chiều rộng gần 25m và chiều dài 50m), còn thửa đất số 93, tờ bản đồ 41 thì không liên quan đến đất của ông C, bà P. Vì vậy, ông T, bà H khởi kiện đề nghị Tòa án huỷ GCNQSDĐ mang tên Đinh Xuân C, Đinh Thị P và buộc ông C, bà P trả lại đất cho ông T, bà H.

*- Bị đơn ông Đinh Xuân C, bà Đinh Thị P tại buổi làm việc ngày 19/8/2020 và tại phiên toà sơ thẩm trình bày:*

Năm 1991 Ông, Bà chuyển về sống tại vùng kinh tế mới Pheo cùng nhiều người khác trong thôn. Năm 2000 ông C, bà P được UBND huyện M giao đất với tổng diện tích 2,48 ha. Năm 2009 có chủ trương làm GCNQSDĐ, tất cả các hộ dân đều trả lại đất để chia đất lại. Ngày 28/4/2009 UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông C, bà P ba thửa đất với tổng diện tích 12.894 m<sup>2</sup>, bao gồm thửa 33 tờ bản đồ 41 có diện tích 1.295 m<sup>2</sup>, thửa 46 tờ bản đồ 41 có diện tích 2.421 m<sup>2</sup> và thửa 94 tờ bản đồ 41 với diện tích 9.178m<sup>2</sup>. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T, bà H giành trồng cây trên đất của vợ chồng ông C, bà P nên dẫn đến tranh chấp. Năm 2019 UBND xã về chỉ lại ranh giới theo như trong GCNQSDĐ của từng hộ gia đình, Ông, Bà được trồng tràm lại. Ông C bà P khẳng định sử dụng đúng diện tích đã được cấp, không lấn chiếm đất của ông T, bà H.

*- Ủy ban nhân dân huyện M trình bày (tại công văn số 518/UBND-TNMT ngày 06/7/2020 và tại các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa):*

Căn cứ hồ sơ liên quan đến cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện M có ý kiến đối với vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Đinh Văn T, bà Đinh Thị H - Địa chỉ: Thôn B, xã T với các bị đơn ông Trần U – bà Cao Thị H, ông Cao Xuân M – bà Đinh Thị T, ông Đinh H – bà Đinh Thị T, ông Đinh S, ông Đinh Minh P – bà Cao Thị T, ông Cao L – bà Cao Thị A, ông Cao Xuân B, ông Cao Xuân N – bà Cao Thị Đ (tất cả có hộ khẩu tại thôn B, xã T H) như sau:

+ *Việc giao đất giai đoạn năm 1999-2000*: Năm 1999-2000 được sự hỗ trợ của Dự án an toàn lương thực để thực hiện công tác giao đất, giao rừng, UBND huyện đã giao cho Hạt kiểm lâm làm chủ đầu tư để thực hiện công tác giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện, trong đó có xã T. Theo đó các hộ gia đình nói trên được UBND huyện giao đất lâm nghiệp, cụ thể:

1. Ông Trần U được giao 2,56ha thuộc Lô 43a, 43b Khoảnh II-TK 135
2. Ông Đinh Sắc được giao 2,64ha thuộc Lô 49a, 49b Khoảnh II-TK 135
3. Ông Đinh Xuân L được giao 2,84ha thuộc Lô 46a, 46b Khoảnh II-TK135
4. Ông Đinh Xuân H được giao 2,48ha thuộc Lô 48a, 48b Khoảnh II-TK135
5. Ông Đinh Xuân C được giao 2,48ha thuộc Lô 47a, 47b Khoảnh II- TK135
6. Ông Đinh Minh P được giao 2,40ha thuộc Lô 53 Khoảnh II-TK 135
7. Ông Cao Văn N được giao 2,62ha thuộc Lô 38a, 38b Khoảnh II-TK 135
8. Ông Cao Văn M được giao 2,58ha thuộc Lô 42a, 42b, 43c Khoảnh II-TK135
9. Bà Cao Thị A được giao 7,22ha thuộc Lô 54 Khoảnh II-TK 135
10. Ông Cao Xuân H được giao 4,40 ha tại Lô 55-KII-TK 135 (nay con là Cao Xuân B) sử dụng.

Việc giao đất, giao rừng được thực hiện đúng với chủ trương của nhà nước và theo các văn bản luật liên quan (Luật Đại đại 1993; Luật bảo vệ phát triển rừng năm 1991; Nghị định số 02/CP ngày 12/8/1994 của Chính phủ; Thông tư 06-LNKL ngày 18/4/1994 của Bộ Lâm nghiệp hướng dẫn thi hành Nghị định 02/CP...)

+ *Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009*: Năm 2008, xã T thực hiện đo vẽ lại bản đồ địa chính theo hệ toạ độ VN2000 đồng thời thực hiện giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân cho phù hợp với hệ thống bản đồ mới. Do vậy, có 09 hộ (bị đơn) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ đo vẽ năm 2008. Trong đó: ông Cao Xuân B hiện nay đang sử dụng thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Cao Xuân H và có 01 hộ bà Cao Thị A chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009 được thực hiện theo quy định của Luật đất đai 2003, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai và các văn bản liên quan khác. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình đều có biên bản xác nhận mốc giới của các hộ liền kề và không có ý kiến về tranh chấp.

+ *Việc chênh lệch diện tích giữa quyết định giao đất năm 2000 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2009*: Năm 2000 việc thực hiện công tác giao đất giao rừng, lập bản đồ được thực hiện đo vẽ bằng tay và dùng thước dây để kéo giao tại thực địa. Năm 2008 công tác giao đất, đo vẽ bản đồ được sử dụng bằng máy móc có độ chính xác cao. Do vậy, việc sai số tăng, giảm diện tích giữa giao đất năm 2000 và năm 2008 khó tránh khỏi. Đối với các hộ gia đình tại khu vực tranh chấp đa số các hộ đều có diện tích năm 2008 nhỏ hơn so với năm 2000.

+ *Về hiện trạng (mục đích sử dụng năm 2008)*: Theo bản tự khai của ông Đinh Văn T bà Đinh Thị H thì gia đình ông khai hoang phục hoá và sử dụng trồng

lúa, trồng sắn... từ năm 1991. Tuy nhiên, năm 2008, UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ (bị đơn) và hộ gia đình ông Đinh Xuân T thì trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại ghi mục đích sử dụng là Rừng sản xuất (ghi chú: Đất có rừng sản xuất tự nhiên khoanh nuôi bảo vệ RSN IIa). Chứng tỏ hiện trạng tại thời điểm năm 2008 là rừng tự nhiên không phải là đất sản xuất nông nghiệp trồng lúa, trồng sắn... Do vậy, việc ông T bà H cho rằng diện tích đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bị đơn là do gia đình ông bà khai hoang và đang sản xuất là không phù hợp.

- *UBND xã T trình bày:* Thống nhất quan điểm như ý kiến của UBND huyện M, tỉnh Quảng Bình.

- Ngày 19/8/2020 Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất đang tranh chấp, kết quả như sau:

*1. Về Thẩm định tại chỗ:*

Hội đồng thẩm định sử dụng máy định vị GPS để kiểm tra diện tích đất hiện nay gia đình ông Đinh Xuân T và gia đình ông Đinh Xuân C đang tranh chấp. Kết quả thẩm định cho thấy phần diện tích tranh chấp thuộc thửa đất số 46 và thửa 94 tờ bản đồ số 41 mà UBND huyện M đã cấp cho gia đình ông Đinh Xuân C có tổng diện tích hai thửa là 11.532m<sup>2</sup>. Qua kiểm tra thực địa cho thấy ông Đinh Xuân C sử dụng đúng với diện tích và toạ độ được cấp.

Các cạnh của thửa đất số 94, tờ bản đồ số 41 như sau: Từ điểm 1 đến điểm 2 có kích thước: 24,5m; Từ điểm 2 đến điểm 3 có kích thước: 381,91m; Từ điểm 3 đến điểm 4 có kích thước: 24,87m; Từ điểm 4 đến điểm 1 có kích thước: 373,67m.

Diện tích: 9.178m<sup>2</sup>

Các cạnh của thửa đất số 46, tờ bản đồ số 41 như sau: Từ điểm 3 đến điểm 4 có kích thước: 24,87m; Từ điểm 4 đến điểm 5 có kích thước: 86,69m; Từ điểm 5 đến điểm 6 có kích thước: 25,61m; Từ điểm 6 đến điểm 7 có kích thước: 10,61m; Từ điểm 7 đến điểm 3 có kích thước: 95,00m.

Diện tích: 2.354m<sup>2</sup>

Tổng diện tích của hai thửa đất số 46, 94, tờ bản đồ số 41 của ông Đinh Xuân C, bà Đinh Thị P là: 11.532m<sup>2</sup>. Trên toàn bộ diện tích đất được gia đình ông C trồng cây keo (tràm) 1 năm tuổi.

*2. Về định giá tài sản:*

a. Về đất: Phần diện tích đất đang có tranh chấp nằm trong hai thửa đất 46, 94 tờ bản đồ số 41 đã được UBND huyện M cấp cho gia đình ông Đinh Xuân C, bà Đinh Thị P. Tổng diện tích đang có tranh chấp là 11.532m<sup>2</sup>; thuộc đất rừng sản xuất; vị trí số 02 xã miền núi huyện M; đơn giá: 4.000đ/m<sup>2</sup>, thành tiền: 11.532m<sup>2</sup> x 4.000đ/m<sup>2</sup> = 46.139.532 đồng.

b. Về tài sản trên đất: Toàn bộ diện tích đất tranh chấp được trồng cây keo (tràm) 01 năm tuổi trồng theo mật độ tập trung trên diện tích tranh chấp 11.532m<sup>2</sup>. Tổng trị giá toàn bộ cây keo (tràm) là 14.503.796 đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thu lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đối chiếu với bản đồ cấp đất năm 2009 thì gia đình ông C, bà P sử dụng đúng diện tích, đúng vị trí đất mà UBND huyện đã cấp trong GCNQSDĐ, không có sự lấn chiếm. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của ông T, bà H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1]. *Về tố tụng:* Đây là vụ án “Tranh chấp đất đai”, người khởi kiện có yêu cầu huỷ GCNQSDĐ, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1]. Vợ chồng ông T, bà H cho rằng ngày 14/3/2000, vợ chồng ông, bà được UBND huyện M giao hai thửa đất rừng theo Quyết định số 467/2000 với tổng diện tích 2,46 ha, nhưng đến năm 2009 khi UBND huyện M cấp GCNQSDĐ cho gia đình thì diện tích đất được cấp là 13.666 m<sup>2</sup>. Như vậy so với quyết định cấp đất năm 2000 thì đất của ông T, bà H bị thiếu hơn 10.000 m<sup>2</sup>. Ông T, bà H cho rằng UBND huyện M đã lấy đất của gia đình ông, bà để cấp cho 09 hộ gia đình (trong đó có gia đình ông C, bà P), vì vậy ông T, bà H đã làm đơn khởi kiện 09 hộ gia đình (khởi kiện thành 09 vụ án tranh chấp đất đai). Trong vụ án này ông T, bà H cho rằng đất của ông C, bà P cấp chồng lấn lên đất của ông T, bà H 1000 m<sup>2</sup> (chiều rộng 25m, chiều dài 50m).

Xét thấy: Năm 1999-2000 được sự hỗ trợ của Dự án an toàn lương thực để thực hiện công tác giao đất, giao rừng, UBND huyện M đã giao cho Hạt kiểm lâm huyện M làm chủ đầu tư để thực hiện công tác giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện, trong đó có xã T. Theo đó các hộ gia đình tại thôn B, xã T, huyện M cũng được giao đất lâm nghiệp, trong đó có gia đình ông , bà H được giao 2,46 ha (trong đó 1,16ha có chức năng bảo vệ và 1,30 ha có chức năng trồng rừng); gia đình ông C, bà P cũng được giao 2,48ha (trong đó 1,18ha có chức năng bảo vệ và 1,30ha có chức năng trồng rừng), và nhiều hộ gia đình khác cũng được giao đất (như danh sách mà UBND huyện đã trình bày ở trên). Việc giao đất năm 2000 được thực hiện giao trên giấy tờ, giao theo Lô, Khoảnh, không có điểm toạ độ hoặc xác định mốc giới giữa các gia đình được giao đất.

Năm 2009, xã T thực hiện đo vẽ lại bản đồ địa chính theo hệ toạ độ VN2000 đồng thời thực hiện giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân cho phù hợp với hệ thống bản đồ mới. Do vậy hầu hết các hộ gia đình đều được cấp GCNQSDĐ, trong đó có gia đình ông T, bà H và gia đình ông C, bà P.

Sau khi được cấp GCNQSDĐ thì gia đình ông T bà H, gia đình ông C bà P và các gia đình khác đều biết diện tích đất được cấp ghi trong GCNQSDĐ của mình. Theo GCNQSDĐ cấp năm 2009 thì gia đình ông T bà H được cấp 13.666 m<sup>2</sup> (tương đương với diện tích đất có chức năng giao để trồng rừng năm 2000 của gia đình ông T, bà H), gia đình ông C bà P được giao 12.894 m<sup>2</sup> (tương đương với diện tích đất có chức năng giao để trồng rừng năm 2000 của gia đình ông C, bà P).

Như vậy, cả gia đình ông T và gia đình ông C (kể cả nhiều hộ gia đình khác trong thôn B) đều có diện tích được cấp trong GCNQSDĐ năm 2009 ít hơn nhiều so với Quyết định giao đất năm 2000 nhưng không ai có ý kiến gì khi nhận GCNQSDĐ. Ngoài ra, theo hồ sơ cấp đất năm 2009 thì các hộ gia đình đều trực tiếp kiểm tra đất và ký xác nhận ranh giới hộ liền kề, trong đó ông T ký xác nhận ranh giới đất cho gia đình ông C và ngược lại ông C cũng ký xác nhận ranh giới đất cho gia đình ông T và đều đồng ý với ranh giới được cấp.

Kết quả kiểm tra thực địa tại khu vực đất đang tranh chấp cho thấy hiện tại gia đình ông C, bà P sử dụng đúng diện tích được cấp, đúng ranh giới mà hai gia đình đã xác nhận, đúng tọa độ theo hồ sơ cấp đất. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H cho rằng đất của gia đình ông C, bà P lấn sang đất của ông T, bà H 1.000 m<sup>2</sup> là không có căn cứ.

[2.2]. Xét yêu cầu của ông T, bà H cho rằng UBND huyện M đã lấy đất khai hoang của gia đình ông, bà để cấp cho gia đình của ông Ch, bà P (và 09 gia đình khác) thấy rằng: Gia đình ông T, bà H và gia đình ông C bà P (và nhiều gia đình khác trong thôn B) đều chuyển đến sinh sống tại vùng kinh tế mới Pheo từ năm 1991. Khi mới đến các gia đình đều khai hoang trồng cây nhưng chưa được địa phương xác nhận. Quá trình khai hoang trồng cây không xảy ra tranh chấp giữa các gia đình. Đến năm 2000 thì có chủ trương giao đất để bảo vệ rừng và trồng rừng và hầu hết các gia đình đều được giao đất theo quyết định giao đất năm 2000 của UBND huyện; năm 2009 thực hiện việc cấp GCNQSDĐ theo hệ tọa độ VN2000 thì các gia đình đều không có ý kiến gì, đến năm 2019 ông T mới khiếu nại và tranh chấp đất với các gia đình trong thôn.

Ngoài ra theo ý kiến của UBND huyện Minh Hóa cũng như ý kiến của ông T, bà H tại phiên tòa thì hiện tại gia đình ông T, bà H còn đang sử dụng một thửa đất (gần nhà ở của ông T, bà H) có diện tích hơn 10.000 m<sup>2</sup> nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ. Lý do chưa cấp GCNQSDĐ là do ông T, bà H chưa kê khai và chưa làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ nên UBND huyện chưa xem xét việc cấp đất cho ông T, bà H.

Do đó, không có căn cứ để cho rằng UBND huyện M đã lấy đất khai hoang của gia đình ông T, bà H để cấp cho gia đình của ông C, bà P (và 09 gia đình khác) theo như đơn khởi kiện của ông T, bà H.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H không được chấp nhận nên ông, bà phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, tuy nhiên do ông T, bà H thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 166, 170, 203 Luật đất đai 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn T, bà Đinh Thị H về việc yêu cầu Tòa án huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Đinh Xuân C, bà Đinh Thị P tại thửa đất số 94, tờ bản đồ số 41, địa chỉ thôn B, xã T huyện M, tỉnh Quảng Bình, và yêu cầu buộc ông Đinh Xuân C, bà Đinh Thị P trả lại cho ông Đinh Văn T, bà Đinh Thị H 1.000 m<sup>2</sup> đất mà Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp cho ông C, bà P chồng lên đất của ông T, bà H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đinh Văn T, bà Đinh Thị H.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### ***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Hữu Sỹ**